

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-VHN&GD ngày 15 tháng 6 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Ma Công D , sinh năm 1992;

ĐKHKT: Thôn Nà Pồng, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

ĐK tạm trú: TDP Yên Mỹ, phường Hồng Tiến, T.P Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Chị Trần Lệ T , sinh năm 1993;

ĐKHKT: Thôn Nà Pồng, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

ĐK tạm trú: TDP Hắng, phường Hồng Tiến, T.P Phổ Yên, Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Công D và chị Trần Lệ T kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 16/10/2017.

Sau khi kết hôn, anh D và chị T chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do cả hai không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên bất đồng về quan điểm. Anh, chị đã ly thân hơn một năm. Nay anh D và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 6 năm 2022 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Ma Công D và chị Trần Lệ T xác định không vợ chồng không có, không đặt ra việc giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh Ma Công D và chị Trần L Tình xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Khoản nợ chung, cho vay chung: Anh Ma Công D và chị Trần Lệ T xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Ma Công D và chị Trần Lệ T thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết yêu cầu việc Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ma Công D và chị Trần Lệ T .

- Về con chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Ma Công D và chị Trần Lệ T thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Anh D và chị T được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002269 ngày 15/6/2022, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Tân Mỹ, Chiêm Hóa, Tuyên Quang (ĐKKH số 46, ngày 16/10/2017);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà